

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2025

“V/v trL chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DL
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trần Thị Ngọc Hà.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Văn Hải

2. Ông Thái Quang Thọ

Th- ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Đặng Trần Hoàng** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về trL chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - L **Lê L T**, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: Khu 1, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: - Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Khu 1, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đình, T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

(L T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án nguyên đơn L Lê L T trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn ngày 06/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chúng tôi về chung sống tại: Khu 1, xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chúng tôi chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng

xuyên cãi nhau. Đến tháng 7/2024, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị L ở tại huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội ở từ đó đến nay không về và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Lê Khánh H, sinh ngày 12/11/2013 và Lê Minh K, sinh ngày 09/4/2019. Khi ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho tôi.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị L không đến Tòa án để trình bày quan điểm mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị L không đến Tòa án để làm việc. Như vậy chị L đã tự bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, do đó chị L không có bản tự khai, đồng thời Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho L Lê L T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao L Lê L T trực tiếp nuôi dưỡng hai con Lê Minh K và Lê Khánh H cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do chị Nguyễn Thị L vắng mặt không có lời trình bày nên các quan hệ trên cần tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: L Lê L T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, qua lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Vụ án trL chấp hôn nhân và gia đình giữa L Lê L T và chị Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị L có nơi cư trú tại xã T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị L cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, chị L không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 25/4/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị L đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời L T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: L Lê L T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, đó là cuộc hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu 1, xã T, thị xã Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng xuyên cãi nhau. Đến tháng 7/2024, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị L ở tại huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội ở từ đó đến nay không về và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, L T đề nghị Tòa án giải quyết cho L được ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Đồng thời qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương xã T nơi vợ chồng L chị chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, sống ly thân từ lâu, do vậy quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên đương sự. Tại biên bản lấy lời khai của mẹ đẻ chị L, mẹ đẻ chị L cho rằng vợ chồng chị L, L T cũng đã xảy ra mâu thuẫn và chị L cũng đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội ở. Hội đồng xét xử nhận thấy, L T và chị L đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ, không ai quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng,

khó có thể hàn gắn được. Quá trình làm việc mặc dù chị L được án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, qua đó khẳng định chị L không thiết tha để hàn gắn tình cảm, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên việc L T khởi kiện xin ly hôn chị L là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của L T xử cho L Lê L T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

[3]. *Về con chung*: L Lê L T và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Lê Khánh H, sinh ngày 12/11/2013 và Lê Minh K, sinh ngày 09/4/2019. Hiện nay hai cháu đang ở với L T. L T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị L vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét thấy nguyện vọng của hai cháu và L T là chính đáng, đồng thời chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở không còn quan tâm gì đến gia đình và con cái và cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị và L T. Vì vậy cần giao cho L T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu là có căn cứ và phù hợp. L T không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: L Lê L T trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị L vắng mặt nên không có lời trình bày, do đó không biết các quan hệ trên có hay không. Do vậy, các quan hệ này cần được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí*: L Lê L T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của L Lê L T

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho L Lê L T được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. *Về con chung*: Xử giao cho L Lê L T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Khánh H, sinh ngày 12/11/2013 và cháu Lê Minh K, sinh ngày

09/4/2019 cho đến khi các con chung thành niên. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng L T, vì L T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: L Lê L T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) (do bà Nguyễn Minh T nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002743 ngày 24/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. L Lê L T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND thị;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Hà